TÒA ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN Đ B** **TỈNH ĐIỆN BIÊN**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập – Tự do – Hạnh Phúc**

Bản án số: 46a/2022/HNGĐ - ST.
Ngày: 08/8/2022.
V/v Tranh chấp ly hôn.

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN Đ B – TỈNH ĐIỆN BIÊN

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Ông Lường Văn Lương

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Trần Văn Sơn;
2. Ông Phan Thanh Bắc.

- Thư ký phiên tòa: Ông Lường Văn Đoản – Thư ký Tòa án nhân dân huyện Đ B, tỉnh Điện Biên .

Ngày 08/8/2022, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Đ B, tỉnh Điện Biên xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 160/2022/TLST – HNGĐ ngày 11/5/2022 về Ly hôn, tranh chấp về nuôi con theo quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 55/2022/QĐXX - ST ngày 20/7/2022; giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Chị Tô Thị G – Sinh năm 1970 "vắng mặt".

Trú tại: Thôn 4, xã P L, huyện Đ B, tỉnh Điện Biên.

2. Bị đơn: Anh Bùi Xuân T, sinh năm 1969 “vắng mặt”.

NĐKHKTT: Thôn 4, xã P L, huyện Đ B, tỉnh Điện Biên.

Hiện nay: Đang chấp hành án tại đội 02, phân trại 01, trại giam số 05, Cục C10 bộ Công an.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn xin ly hôn đề ngày 06/5/2022 và trong quá trình tố tụng tại Tòa án nhân dân huyện Đ B, chị Tô Thị G (nguyên đơn) trình bày:

1. Về hôn nhân: Tôi và anh Thái lấy nhau từ ngày 10/01/1989 có đăng ký kết hôn tại UBND xã Sam Mứn, huyện Đ B, tỉnh Điện Biên. Trên cơ sở tự nguyện, không bị ép buộc. Vợ chồng chung sống hạnh phúc đến tháng 12 năm 2005 thì chồng tôi vi phạm pháp luật về tội “Vận chuyển trái phép các chất ma túy” và bị Tòa án nhân dân tỉnh Điện Biên xử phạt tù chung thân. Hiện nay đang chấp hành án tại đội 02, phân trại 01, trại giam số 05, cục C10 bộ Công an. Do anh Thái phải đi chấp hành án quá lâu, bản thân tôi cũng mong muốn có cuộc sống tự do trong hôn nhân, nên tôi làm đơn này xin được đề nghị Tòa án giải quyết cho tôi được ly hôn với anh Thái.

2. Về con chung: Chị Giang khai vợ chồng có 02 con chung là: Bùi Xuân Định, sinh ngày 14/3/1991, Bùi Thị Thanh Huệ, sinh ngày 13/01/1995.

Các cháu đã trưởng thành và đi xây dựng gia đình riêng nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

3.Về tài sản: Tài sản riêng, tài sản chung, nợ phải trả, nợ lấy về, diện tích ruộng nương: Không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Tại bản tự khai ngày 18/5/2022 và trong quá trình giải quyết vụ án tại Tòa án anh Bùi Xuân T (bị đơn) trình bày:

1. Về hôn nhân: Tôi và cô Giang lấy nhau hoàn toàn tự nguyện, có đăng ký kết hôn tại UBND xã Sam Mứn, huyện Đ B, tỉnh Điện Biên. Chúng tôi kết hôn tự nguyện, không bị ép buộc. Quá trình chung sống hai vợ chồng có vài lần mâu thuẫn nhỏ nhưng không nghiêm trọng. Do tôi vi phạm pháp luật và bị xử phạt mức án tù chung thân, vì mức án dài nên tôi không giúp được gì cho vợ con, nay cô Giang làm đơn xin ly hôn, tôi cũng đồng ý ly hôn.

2. Về con chung: Anh Thái công nhận vợ chồng có 02 con chung là Bùi Xuân Định, sinh ngày 14/3/1991, Bùi Thị Thanh Huệ, sinh ngày 13/01/1995.

Các cháu đã trưởng thành và đi xây dựng gia đình riêng nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về tài sản: Tài sản riêng, nợ phải trả, nợ lấy về, diện tích ruộng nương, tài sản chung: Không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Án phí: Căn cứ Khoản 4 Điều 147/BLTTDS; Điểm a Khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 của Uỷ ban thường vụ Quốc hội về án phí, lệ phí Tòa án. Chị Giang phải chịu 300.000đ án phí Dân sự sơ thẩm. Chị Giang đã nộp 300.000đ theo biên lai số: 0004968 ngày 09/5/2022 tại Chi cục thi hành án dân sự huyện Đ B.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả xét xử tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1]. Về quan hệ pháp luật:

Căn cứ đơn khởi kiện và các tài liệu chứng cứ kèm theo của nguyên đơn chị Tô Thị G, Tòa án xác định đây là vụ án: Ly hôn.

[2].Về thẩm quyền giải quyết vụ án: Chị Giang xin ly hôn với anh Thái, anh Thái có hộ khẩu thường trú tại xã P L, huyện Đ B, tỉnh Điện Biên, nên vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Đ B theo quy định tại Khoản 1 Điều 28; Khoản 1 Điều 35; Khoản 1 Điều 39/BLTTDS.

[3]. Về điều luật áp dụng: Chị Giang và anh Thái kết hôn năm 1989, đến năm 2022 thì chị Giang khởi kiện xin ly hôn, nên Tòa án sẽ áp dụng các quy định của Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014 để giải quyết.

[4]. Về quan hệ hôn nhân: Chị Tô Thị G và anh Bùi Xuân T lấy nhau có đăng ký kết hôn. Do vậy, hôn nhân giữa hai người là hợp pháp. Quá trình chung sống do anh Thái vi phạm pháp luật và đang chấp hành án với mức án tù chung thân nên chị Giang thấy thời gian phải chờ đợi là quá lâu nên đã làm đơn xin ly hôn, anh Thái cũng đồng ý ly hôn. Việc thuận tình ly hôn giữa nguyên đơn và bị đơn là hoàn toàn tự nguyện, có căn cứ phù hợp Điều 51, 56 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014, nên Hội đồng xét xử chấp nhận.

[5]. Về con chung: Hai vợ chồng có 02 con chung là: Bùi Xuân Định, sinh ngày 14/3/1991, Bùi Thị Thanh Huệ, sinh ngày 13/01/1995.

Các cháu đã trưởng thành và đi xây dựng gia đình riêng nên không yêu cầu Tòa án giải quyết. Do vậy, Hội đồng xét xử không xem xét giải quyết.

Về cấp dưỡng nuôi con: Hội đồng xét xử không xem xét giải quyết.

[6].Về tài sản:

[6.1]. Tài sản riêng, nợ phải trả, nợ lấy về: Không yêu cầu Tòa án giải quyết.

[6.2]. Tài sản chung, diện tích ruộng, nương: Không yêu cầu Tòa án giải quyết.

[7]. Về án phí: Căn cứ Khoản 4 Điều 147/BLTTDS; Điểm a Khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 của Uỷ ban thường vụ Quốc hội về án phí, lệ phí Tòa án. Chị Giang phải chịu 300.000đ án phí Dân sự sơ thẩm. Chị Giang đã nộp 300.000đ theo biên lai số: 0004968 ngày 09/5/2022 tại Chi cục thi hành án dân sự huyện Đ B.

[8]. Đối với việc vắng mặt của nguyên đơn và bị đơn tại phiên tòa: Sau khi nhận được Quyết định đưa vụ án ra xét xử, vì các lý do khác nhau nên nguyên đơn và bị đơn đều có đơn đề nghị Tòa án xét xử vắng mặt. Do vậy, Hội đồng xét xử căn cứ theo quy định tại Khoản 1 Điều 228/BLTTDS và Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt các đương sự.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ Khoản 1 Điều 28; Khoản 1 Điều 35; Khoản 1 Điều 39; Khoản 1 Điều 228; Khoản 1 Điều 235, Điều 264 và Điều 267/BLTTDS;

Áp dụng: Các Điều 51, 56 Luật hôn nhân và gia đình.

1. Tuyên xử: Cho chị Tô Thị G được ly hôn với anh Bùi Xuân T.

2. Về con chung: Hội đồng xét xử không xem xét giải quyết.

3. Về Tài sản: Hội đồng xét xử không xem xét giải quyết.

4. Về án phí: Căn cứ Khoản 4 Điều 147/BLTTDS; Điểm a Khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 của Uỷ ban thường vụ Quốc hội về án phí, lệ phí Tòa án, chị Giang phải chịu 300.000đ án phí Dân sự sơ thẩm. Chị Giang đã nộp 300.000đ theo biên lai số: 0004968 ngày 09/5/2022 tại Chi cục thi hành án dân sự huyện Đ B, chị Giang đã nộp đủ tiền án phí DSST.

5. Về quyền kháng cáo: Căn cứ Điều 271, Khoản 1 Điều 273/BLTTDS; Nguyên đơn và bị đơn đều vắng mặt có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày nhận được bản án chính hoặc kể từ ngày bản án được niêm yết.

Nơi nhận:
- TAND tỉnh
- VKSND H.Đ.B;
- Chi cục THSDS H.ĐB;
- Các đương sự;
- UBND xã Sam Mứn, H ĐB;
- Lưu,

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Lường Văn Lương

HỘI THẨM NHÂN DÂN	CHỦ TỌA	HỘI THẨM NHÂN DÂN
Trần Văn Sơn	Lường Văn Lương	Phan Thanh Bắc

Nơi nhận:
- TAND tỉnh
- VKSND H.Đ.B;
- Chi cục THSDS H.ĐB;
- Các đương sự;
- UBND xã Sam Mứn, H ĐB;
- Lưu,

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Lường Văn Lương

HỘI THẨM NHÂN DÂN	CHỦ TỌA	HỘI THẨM NHÂN DÂN
Vũ Văn Tám	Lường Văn Lương	Nguyễn Thị Phương